STT Gian hàng (Tp. HCM)	STT Gian hàng (HN)	Tên trường (Tiếng Việt)	Tên trường (Tiếng Anh)	Tên trường (Tiếng Nhật)	Tỉnh
1	1	秋田大学	Akita University	Đại Học Akita	Akita
2	2	青森中央学院大学	Aomori Chuo Gakuin University	Đại học Aomori Chuo Gakuin	Aomori
3	3	文化学園大学	Bunka Gakuen University	Đại học Bunka Gakuen	Tokyo
4	4	文教大学	Bunkyo University	Đại học Bunkyo	Saitama
5	5	千葉大学	Chiba University	Đại học Chiba	Chiba
6	6	中央大学	Chuo University	Đại học Chuo	Tokyo
7	7	デジタルハリウッド大学	Digital Hollywood University	Đại học Digital Hollywood	Tokyo
8	8	同志社大学	Doshisha University	Đại học Doshisha	Kyoto
9	9	福井工業大学	Fukui University of Technology	Đại học công nghệ Fukui	Fukui
-	10	福岡大学	Fukuoka University	Đại học Fukuoka	Fukuoka
10	11	福岡女子大学	Fukuoka Women's University	Đại học nữ sinh Fukuoka	Fukuoka
11	12	事業創造大学院大学	Graduate Institute for Entrepreneurial Studies	Viên Sau Đai hoc vê Nghiên cứu Khởi nghiệp (JIGYO SOZO)	Niigata
12	-	広島大学	Hiroshima University	Đại học Hiroshima	Hiroshima
13	13	北海道大学	Hokkaido University	Đại học Hokkaido	Hokkaido
14	14	北陸大学	Hokuriku University	Đại học Hokuriku	Ishikawa
15	15	法政大学	Hosei University	Đại học Hosei	Tokyo
16	16	今治明徳短期大学	Imabari Meitoku Junior College	Cao đẳng Imabari Meitoku	Ehime
-	17	国際大学	International University of Japan	Đại học quốc tế	Niigata
17	18	桜美林大学	J. F. Oberlin University	Đại học J.F. Oberlin	Tokyo
-	19	鹿児島大学	Kagoshima University	Đại học Kagoshima	Kagoshima
18	20	神奈川大学	Kanagawa University	Đại học Kanagawa	Kanagawa
19	21	関西大学	Kansai University	Đại học Kansai	Osaka
-	22	慶應義塾大学	Keio University	Đại học Keio	Tokyo
20	23	敬和学園大学	Keiwa College	Đại học Keiwa	Niigata
-	24	北見工業大学	Kitami Institute of Technology	Đại học công nghiệp Kitami	Hokkaido
21	25	熊本大学	Kumamoto University	Đại học Kumamoto	Kumamoto
-	26	関西学院大学	Kwansei Gakuin University	Đại học Kwansei Gakuin	Hyōgo
22	27	京都外国語大学	Kyoto University of Foreign Studies	Đại Học Ngoại Ngữ Kyoto	Kyoto
-	28	九州大学	Kyushu University	Đại học Kyushu	Fukuoka
23	29	松本歯科大学	Matsumoto Dental University	Đại học nha khoa Matsumoto	Nagano
24	30	明治大学	Meiji University	Đại học Meiji	Tokyo
-	31	明海大学	Meikai University	Đại học Meikai	Chiba
25	32	名桜大学	Meio University	Đại học Meio	Okinawa
-	33	長崎大学	Nagasaki University	Đai Hoc Nagasaki	Nagasaki
26	34	名古屋商科大学	Nagoya University of Commerce and Business	Đại học Nagoya Commerce & Business	Aichi
27	35	南山大学	Nanzan University	Đại học Nanzan	Aichi
28	36	日本大学	Nihon University	Đại học Nihon	Tokyo
29	37	日本ウェルネススポーツ大学	Nihon Wellness Sports University	Đại học thể thao Wellness Nhật Bản	Ibaraki
30	38	新潟医療福祉大学	Niigata University of Health and Welfare	Đại học Y tế và Phúc lợi Niigata	Niigata
31	39	日本工業大学	Nippon Institute of Technology	Đại học công nghiệp Nippon	Saitama
32	40	大分大学	Oita University	Đại học Oita	Oita
33	41	大阪国際大学	Osaka International University	Đại học Quốc tế Osaka	Osaka
34	42	大阪大学	Osaka University	Đại học Osaka	Osaka
35	43	大阪経済大学	Osaka University of Economics	Đại học kinh tế Osaka	Osaka
36	44	立教大学	Rikkyo University	Đại học Rikkyo	Tokyo
37	45	立命館大学	Ritsumeikan University	Đại học Ritsumeikan	Kyoto
38	46	龍谷大学	Ryukoku University	Đại học Ryukoku	Kyoto
39	47	仙台大学	Sendai University	Đại học Sendai	Miyagi
40	48	専修大学	Senshu University	Đại học Senshu	Tokyo
41	49	芝浦工業大学	Shibaura Institute of Technology	Đại học công nghiệp Shibaura	Tokyo
42	50	滋賀大学	Shiga University	Đại học Shiga	Shiga
43	51	島根大学	Shimane University	Đại học Shimane	Shimane
44	52	静岡大学	Shizuoka University	Đại học Shizuoka	Shizuoka
45	53	上智大学	Sophia University	Đại học Sophia	Tokyo
46	54	拓殖大学	Takushoku University	Đại học Takushoku	Tokyo
47	55	帝京大学	Teikyo University	Đại học Teikyo	Tokyo
48		電気通信大学	The University of Electro-Communications	Đại học Điện tử - Viễn thông	Tokyo
49	56	北九州市立大学	The University of Kitakyushu	Đại học Kitakyushu	Fukuoka
50	57	東京電機大学	Tokyo Denki University	Đại học Tokyo Denki	Tokyo
51	58	東京国際大学	Tokyo International University	Đại học Quốc tế Tokyo	Saitama
52	-	東京経済大学	Tokyo Keizai University	Đại học Kinh Tế Tokyo	Tokyo
53	59	首都大学東京	Tokyo Metropolitan University	Đại học Thủ đô Tokyo	Tokyo
54	60	東洋大学	Toyo University	Đại học Toyo	Tokyo
55	-	富山大学	University of Toyama	Đại học Toyama	Toyama
56	61	宇都宮大学	Utsunomiya University	Đại học Utsunomiya	Tochigi
57	62	早稲田大学	Waseda University	Đại học Waseda	Tokyo
58	63	横浜国立大学	Yokohama National University	Đại học quốc gia Yokohama	Kanagawa
59	64	文化服装学院	Bunka Fashion College	Trường dạy nghề Bunka Fashion	Tokyo
60	65	京都理容美容専修学校	Kyoto Barber & Beauty College	Trường dạy nghề Barber & Beauty Kyoto	Kyoto
61	66	沖縄ラフ＆ピース専門学校	Laugh & Peace Entertainment School Okinawa	Trường dạy nghề Laugh & Peace Entertainment Okinawa	Okinawa
62	-	目白ファッション&アートカレッジ	Mejiro Fashion and Art college	Trường dạy nghề Mejiro Fashion and Art	Tokyo
-	67	専門学校松江総合ビジネスカレッジ	Matsue Sogo Business College	Trường dạy nghề Matsue Sogo Business	Shimane
63	68	東放学園専門学校	Toho Gakuen Media Training College	Trường dạy nghề học viên Toho	Tokyo
64	69	赤門会日本語学校	AKAMONKAI Japanese Language School	Trường Nhật ngữ AKAMONKAI	Tokyo
65	70	I.C.NAGOYA	I.C.NAGOYA　Japanese Language School	Trường Nhật ngữ I.C.Nagoya	Aichi
66	71	MANABI外語学院	MANABI Japanese Language Institute	Học viện Ngoại Ngữ MANABI	Tokyo
67	72	日本語センター	Nihongo Center	Nihongo Center	Kyoto
68	73	新宿平和日本語学校	Shinjuku Heiwa Japanese Language School	Trường Nhật ngữ Shinjuku Heiwa	Tokyo
69	74	東京国際朝日学院	Tokyo International Asahi Institute	Tokyo International Asahi Institute	Tokyo
-	75	東京インターナショナル外語学院	Tokyo International Language Academy	Tokyo International Language Academy	Tokyo
70	76	東京早稲田外国語学校	Tokyo Waseda Foreign Language School	Trường ngoại ngữ Tokyo Waseda	Tokyo
71	-	早稲田文化館 日本語科	Waseda Bunkakan Japanese Language Course	Waseda Bunkakan Japanese Language Course	Tokyo
72	77	横浜国際教育学院	Yokohama International Education Academy	Trường Yokohama International Education	Kanagawa
73	78	福岡県留学生サポートセンター	Fukuoka International Student Support Center	Trung tâm hỗ trợ du học sinh Fukuoka	Fukuoka
74	79	国立高等専門学校機構	KOSEN (National Institute of Technology)	KOSEN (Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp quốc lập)	Tokyo
75	80	東京都専修学校各種学校協会	Metropolitan Tokyo Professional Institution Association	Hiệp hội các trường chuyên môn Tokyo	Tokyo
76	81	長崎留学生支援センター	Nagasaki International Student Support Center	Trung tâm hỗ trợ du học sinh Nagasaki	Nagasaki
77	82	ふじのくに地域・大学コンソーシアム	Study in Shizuoka	Du học Shizuoka	Shizuoka
78	83	大学コンソーシアム京都 (留学生スタディ京都ネットワーク)	Study Kyoto	Du học Kyoto	Kyoto
79	-	アジア学生文化協会	The Asian Students Cultural Association	Hiệp hội văn hoá sinh viên châu Á	Tokyo